

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 27 - 06 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thoại Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoài P, sinh năm 1985 tại Campuchia; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; con ông (không rõ danh tính) và bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1961; vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1990, có 02 con; con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017.

Chưa có tiền án, tiền sự;

Nhân thân: Tốt;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2018 đến nay;

Bị cáo có mặt.

- ***Bị hại:***

Chị Võ Thị N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:*

Anh Trần Văn Phụng (Lãi), sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

Anh Phạm Văn Quý, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang. (có mặt).

- *Người làm chứng:*

Anh Phạm Văn L, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Anh Phạm Văn D, sinh năm 1991 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 24 giờ ngày 05/3/2018, sau khi uống rượu, trên đường về, ngang nhà chị Võ Thị N ngụ ấp T, thị trấn L, huyện A, thấy nhà chị N còn mở đèn, P nảy sinh ý định vào nhà chị N lấy tài sản. P đi vòng ra sau nhà, dùng tay đẩy cửa (cửa không khóa) đi vào trong, P đến phòng ngủ của chị N lấy 03 điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy Core Prime; 01 điện thoại hiệu Nokia 105 và 01 điện thoại hiệu TECNO WX4 Pro mang về nhà cất giấu. Sáng ngày 06/3/2018, P mang điện thoại hiệu Samsung cầm cho anh Trần Văn P được 300.000 đồng. P lấy 100.000 đồng đưa cho Nguyễn Thị T, còn 200.000 đồng P tiêu xài cá nhân.

Sáng ngày 06/3/2018, chị N đến Công an thị trấn L trình báo. Qua điều tra, xác minh phát hiện P có nhiều biểu hiện nghi vấn nên mời P làm việc. Tại Công an thị trấn Long Bình, P thừa nhận có lấy 03 điện thoại của chị N.

Kết luận định giá tài sản số 13/KL.TSDGTTHS ngày 12/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

- 01 (một) điện thoại hiệu Samsung Galaxy Core Prime, trị giá 840.000 đồng;

- 01 (một) điện thoại hiệu TECNO WX4 Pro, trị giá 2.100.000 đồng;

- 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 105, trị giá 250.000 đồng.

Tổng giá trị là 3.190.000 đồng.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi được 03 điện thoại và đã giao trả cho bị hại Nguyễn Thị N ngày 28/3/2018. Chị Nguyễn Thị T (vợ bị cáo) đã giao trả cho anh Trần Văn P 300.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 22/VKS-HS ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Nguyễn Hoài P về tội “*Trộm cắp tài sản*”

theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo thú nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt.

Trong lời luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đề xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ tài sản bị chiếm đoạt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn P cũng đã nhận lại số tiền cầm điện thoại và không yêu cầu bồi thường gì khác, nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hứa không tái phạm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn P, Phạm Văn Q; người làm chứng Phạm Văn L, Phạm Văn D vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và Hội đồng xét xử đã công bố các lời khai này tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại không có ý kiến, xét việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này là phù hợp quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét thấy lời thú nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra; phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Căn cứ vào các lời khai, Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 26/4/2018, kết luận định giá tài sản số 13/KL.TSDGTTTHS ngày 12/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Khoảng 24 giờ ngày 05/3/2018, bị cáo Nguyễn Hoài P đã có hành vi lén lút vào nhà của chị Võ Thị N tại ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang chiếm đoạt 03 điện thoại di động có tổng giá trị 3.190.000 đồng. Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân và làm mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xác định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đối với Nguyễn Hoài P là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất vụ án: Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, những ai có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác trái pháp luật đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bị cáo P là người có đầy đủ năng lực hành vi, đã có vợ con nhưng không lo chí thú làm ăn. Bị cáo hoàn toàn hiểu được, việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi. Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng mức độ không lớn, động cơ phạm tội đơn giản chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, dù với động cơ, mục đích gì thì hành vi của bị cáo cũng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, cần xử lý nghiêm nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt:

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu. Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, có con còn nhỏ, là lao động chính, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình, thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm

mười triệu đồng. Xét thấy bị cáo không nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Bị hại đã nhận lại được toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt trong giai đoạn điều tra và không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên không xem xét giải quyết. Anh P đã nhận lại tiền cầm điện thoại 300.000 đồng và không có yêu cầu gì khác, nên cũng không xem xét, giải quyết.

[8] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Khi bị cáo mang điện thoại đến cầm, anh Trần Văn P nhận cầm 300.000 đồng nhưng không biết điện thoại là do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Phụng là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí tố tụng:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoài P **09 (chín) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/3/2018 (*Ngày tám tháng ba năm hai ngàn không trăm mười tám*).

- Căn cứ các điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Hoài P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo P, bị hại Võ Thị N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn P, anh Phạm Văn Q, chị Nguyễn Thị T là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện A (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện A (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu